

Số: 37 /2023/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất
năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng
5 năm 2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số
01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định
quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12
năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất
đai; số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều
của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số
01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 Quy định kỹ thuật việc lập, điều
chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6
năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét các tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 199/TTr-UBND ngày 25
tháng 11 năm 2023 về việc ban hành Nghị quyết thông qua danh mục công
trình, dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, số 209/TTr-
UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 đăng ký bổ sung danh mục công trình, dự án
thu hồi đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2024
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Danh mục công trình, dự án thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai
(chi tiết theo Biểu 01 và các Biểu từ 1.1 đến 1.12 kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2. Danh mục công trình, dự án tiếp tục thực hiện và điều chỉnh
thông tin**

1. Tiếp tục triển khai thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ trong năm 2024 đối với các công trình, dự án theo Biểu 02 và các Biểu từ 2.1 đến 2.12 kèm theo Nghị quyết.

2. Điều chỉnh thông tin công trình, dự án (Chi tiết theo Biểu 03 và các Biểu từ 3.1 đến 3.5 kèm theo Nghị quyết).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó:

a) Chịu trách nhiệm về các thông tin làm cơ sở để Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết; về sự phù hợp của việc sử dụng đất (phù hợp vị trí, diện tích, loại đất) với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với danh mục các công trình, dự án thuộc trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua danh mục thu hồi đất để đảm bảo hồ sơ, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về việc xác định công trình, dự án thuộc trường hợp lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, chương trình phát triển đô thị; đồng thời tổ chức thực hiện giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật.

c) Báo cáo kết quả thực hiện thu hồi đất cho Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2024.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, KTNS(02).đta

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân

Biểu 01:



BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Huyện Tư Nghĩa	2	0,58	500,00	Biểu 1.1
2	Huyện Ba Tơ	9	4,99	7.101,00	Biểu 1.2
3	Huyện Bình Sơn	15	29,70	21.264,00	Biểu 1.3
4	Huyện Trà Bồng	15	7,25	2.420,00	Biểu 1.4
5	Thị xã Đức Phổ	5	5,78	69.383,00	Biểu 1.5
6	Huyện Lý Sơn	1	0,50	4.500,00	Biểu 1.6
7	Huyện Minh Long	2	10,03	81.198,00	Biểu 1.7
8	Huyện Mộ Đức	2	1,93	60.000,00	Biểu 1.8
9	Huyện Nghĩa Hành	2	0,78	877,80	Biểu 1.9
10	Huyện Sơn Tịnh	3	161,01	749.001,00	Biểu 1.10
11	Thành phố Quảng Ngãi	10	60,96	-	Biểu 1.11
12	Huyện Sơn Hà	2	3,31	1.783,60	Biểu 1.12
	Tổng	68	286,82	998.028,40	

Biểu 1.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN TƯ NGHĨA
(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
									Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+...+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Trong ngân sách Nhà nước												
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng chống bão, lũ thôn Thế Bình	0,08	0,08	Xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	Thửa 148, tờ BĐ số 11	Quyết định chủ trương: 16088/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND huyện Tư Nghĩa. Quyết định phân vốn: 4424/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa							không bồi thường
2	Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cầu Trà Khúc 3) (bổ sung)	0,50	0,50	Xã Nghĩa Thuận	Tờ BĐ số 3, 5, 9	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh giao Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	500		500				
TỔNG CỘNG		0,58	0,58				500,00		500,00				

Biểu 1.2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN BA TƠ

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
							Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Nhà văn hóa thôn Nước Nẻ	0,05	0,05	Xã Ba Vinh	Tờ 14 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Vinh	QĐ số 89/QĐ-UBND ngày 18/02/2009 của UBND huyện Ba Tơ v/v phê duyệt BC KTKT	0						Không bồi thường
2	Nhà văn hóa thôn Ba Sơn	0,06	0,06	Xã Ba Vinh	Tờ 37 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Vinh	QĐ số 1366/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Ba Tơ v/v phê duyệt BC KTKT	0						Không bồi thường
3	Nhà văn hóa thôn Ba Lang	0,08	0,08	Xã Ba Vinh	Tờ 32 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Vinh	QĐ số 1454/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện Ba Tơ v/v phê duyệt BC KTKT	0						Không bồi thường
4	Nhà văn hóa thôn Hóc Đô	0,08	0,08	Xã Ba Vinh	Tờ 40 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Vinh	QĐ số 1446/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện Ba Tơ v/v phê duyệt BC KTKT	0						Không bồi thường
5	Nhà văn hóa thôn Phân Vinh	0,09	0,09	Xã Ba Vinh	Tờ 62 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Vinh	QĐ số 1455/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện Ba Tơ v/v phê duyệt BC KTKT	0						Không bồi thường
6	Nhà văn hóa thôn Cao Muôn	0,09	0,09	Xã Ba Vinh	Tờ 08 BĐĐC tỷ lệ 1/5000 xã Ba Vinh	QĐ số 357/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND huyện Ba Tơ v/v phê duyệt BC KTKT	0						Không bồi thường
7	Nhà văn hóa thôn Làng Huy	0,18	0,18	Xã Ba Vinh	Tờ 78 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Vinh	QĐ số 1445/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện Ba Tơ v/v phê duyệt BC KTKT	0						Không bồi thường

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
							Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
8	Sân vận động xã Ba Liên	0,66	0,66	Xã Ba Liên	Tờ 12 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Liên	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Ba Tư v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022	145,0			145,0			
9	Chinh trang đô thị mới Ba Vì	3,70	3,70	Xã Ba Vì	Tờ 15, 16, 21, 22, 28, 29 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Vì	Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của chủ tịch UBND huyện Ba Tư v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	6.956,0		6.300,00	656,00			
Tổng		4,99	4,99				7.101,00		6.300,00	801,00			

Biểu 1.3

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
							Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I Trong ngân sách Nhà nước													
1	Hạng mục: Đường dây trung áp và trạm biến áp Bình Hải 11 thuộc công trình: Đầu tư giảm tổn thất điện năng các trạm biến áp công cộng có tổn thất cao tỉnh Quảng Ngãi năm 2023	0,02	0,02	Xã Bình Hải	Tờ bản đồ số 8; 9; 76; 79; 80; 82	Vốn đầu tư của Tổng công ty điện lực miền Trung	64					64	
2	Nghĩa trang Phổ Tịnh, xã Bình Phước	5,00	5,00	Xã Bình Phước	Tờ bản đồ số 69; 77; 78; 79	Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023	500			500			
3	Nhà văn hoá thôn Phú Long 3	0,16	0,16	Xã Bình Phước	Tờ bản đồ số 21; 30	Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND huyện Bình Sơn về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	100,0			100			
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.09 (Bình Minh-Bình An)	8,00	8,00	Xã Bình Minh và xã Bình An	Tờ bản đồ số 18; 27; 28; 42; 43; 53 xã Bình Minh, Tờ bản đồ số 41; 46; 47; 48; 61; 66 xã Bình An	Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 về việc điều chỉnh dự toán thu, phân bổ chi ngân sách huyện năm 2023	1000			1.000			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
							Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
5	Kè chống sạt lở bờ sông Trà Bồng, đoạn qua thôn Đông Yên 2, xã Bình Dương	1,50	2,75	Xã Bình Dương	Tờ bản đồ số 13, 14, 17	Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp. Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án. Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh về phân bổ kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai.						Không phát sinh kinh phí bồi thường	
6	Công viên vui chơi, giải trí công cộng thị trấn Châu Ô	0,22	0,22	Thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ số 16; 22	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân thị trấn về phân bổ nguồn vốn ngân sách Thị trấn quản lý.							Không phát sinh kinh phí bồi thường
7	Nhà văn hoá TDP3 thị trấn Châu Ô	0,07	0,07	Thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ số 16; 17	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân thị trấn về phân bổ nguồn vốn ngân sách Thị trấn quản lý.							Không phát sinh kinh phí bồi thường
8	Cải tạo, mở rộng chính trang khuôn viên cây xanh Nghĩa trang liệt sỹ huyện và Nhà ghi ơn mẹ Việt Nam anh hùng	1,00	0,98	Xã Bình Long	Tờ bản đồ số 12	Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023	4.600			4.600			
9	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường: hạng mục mái Taluy	1,53	28,50	Xã Bình Hải	Tờ bản đồ số 13, 14, 19, 20, 21, 29 và 30	Công văn số 1622/UBND-KTN ngày 8/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc liên quan đến dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường. Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương.	2.000			2.000			
10	Dự án Khu dân cư Doosan Vina - Antaco Vạn Tường	8,70	8,70	Xã Bình Trị	Tờ bản đồ số 59; 68; 69	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi đăng ký danh mục thu hồi đất để thực hiện đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư							Thông báo số 419/TB-UBND Ngày 8/9/2023 và các Công văn: số 4453/UBND-KTN ngày 12/9/2023 và số 5087/UBND-KTN ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
							Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
11	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Châu Long	1,46	1,56	Xã Bình Khương	Tờ bản đồ số 18, 22	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước huyện Bình Sơn (Châu Long, Châu Thuận, Bình Yên, Lỗ Tây, Hồ Chuối); Quyết định 823/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn cho các dự án đủ điều kiện thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương.	1.500,0		1.500,0				Công trình đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 với diện tích 0,1 ha, nay bổ sung diện tích thêm 1,46 ha; tổng diện tích QH 1,56 ha
12	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Châu Thuận	0,48	1,48	Xã Bình Khương	Tờ bản đồ số 32, 33	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước huyện Bình Sơn (Châu Long, Châu Thuận, Bình Yên, Lỗ Tây, Hồ Chuối); Quyết định 823/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn cho các dự án đủ điều kiện thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương.	1.500,0		1.500,0				Công trình đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 với diện tích 1,0 ha, nay bổ sung diện tích thêm 0,48 ha; tổng diện tích QH 1,48 ha
13	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Lỗ Tây	0,91	1,41	Xã Bình Thanh	Tờ bản đồ số 34, 35, 39, 40	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước huyện Bình Sơn (Châu Long, Châu Thuận, Bình Yên, Lỗ Tây, Hồ Chuối); Quyết định 823/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn cho các dự án đủ điều kiện thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương.	1.500,0		1.500,0				Công trình đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 với diện tích 0,5 ha, nay bổ sung diện tích thêm 0,91 ha; tổng diện tích QH 1,41 ha

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
14	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hồ Chuối	0,21	1,21	Xã Bình Thanh	Tờ bản đồ số 38, 39	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước huyện Bình Sơn (Châu Long, Châu Thuận, Bình Yên, Lỗ Tây, Hồ Chuối); Quyết định 823/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn cho các dự án đủ điều kiện thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương.	1.500,0		1.500,0				Công trình đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 với diện tích 1,0 ha, nay bổ sung diện tích thêm 0,21 ha; tổng diện tích QH 1,21 ha
II	Ngoài ngân sách Nhà nước												
1	Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp Dung Quất	3,50	81,90	Xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn	Tờ bản đồ số 19	Thông báo số 226/TB-UBND ngày 10/5/2023 và Công văn số 217/UBND-KTN ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	7.000						Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
Tổng cộng		29,70	136,30				21.264	0	6.000	8.200	0	7.064	

Biểu 1.4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN TRÀ BÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(7)=8+...12	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Trong ngân sách Nhà nước	7,25	7,25				2.420,0	1.679,3	690,8	46,9	3,0	0,0	
1	Trường Mầm non Trà Thanh; hạng mục: GPMB; Nhà lớp học 08 phòng; Nhà hiệu bộ	0,42	0,42	Xã Trà Thanh	Tờ BĐ số 03 (1/5000)	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bông về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	900,0	600,0	300,0				
2	Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	0,11	0,11	Xã Trà Giang	Tờ BĐ số 10 (1/1000)	Quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bông về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (đợt 1) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ nguồn vốn tăng thu thực hiện của ngân sách cấp tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022	100,0		90,0	7,0	3,0		
3	Đường điện tổ 3, 4, 5 thôn Trung	0,01	0,01	Xã Trà Sơn	Tờ BĐ số 04, 11	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bông về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	100,0	50,0	50,0				
4	Đường dân sinh thôn Bắc - thôn Trung	2,47	2,47	Xã Trà Sơn	Tờ 40, 42 (1/1000) và tờ 02 (1/5000)	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bông về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	250,0	217,4	21,8	10,9			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
5	BTXM đường Sơn Thành - Bà Linh	0,53	0,53	Xã Trà Sơn	Tờ BĐ số 46, 47 và 56 (1/1000)	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	80,0	69,6	7,0	3,5			
6	Điện sinh hoạt đội 6, thôn Gò Rô	0,01	0,01	Xã Trà Phong	Tờ BĐ số 12	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	50,0	25,0	25,0				
7	Đường BTXM từ NVH thôn 3 đến đường Mô Non tổ 2, thôn 3	0,50	0,50	Xã Trà Thủy	Tờ BĐ số 81 (1/1000) và Tờ 13 (1/5000)	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	150,0	130,4	13,1	6,5			Tổng chiều dài tuyến là 0,7 km; 0,3 km đoạn đầu tuyến (phù hợp QH); 0,4 km đoạn cuối tuyến (chưa phù hợp)
8	Cải tạo, mở rộng đường bê tông từ nhà ông Hồ Ngọc Đài đến QL 24C	0,53	0,53	Xã Trà Thủy	Tờ BĐ số 86, 87 (1/1000) và Tờ 14 (1/5000)	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023							Không bồi thường nhân dân hiến đất
9	Đường dây và trạm biến áp 40KV tại tổ 4, thôn 6, xã Trà Thủy	0,01	0,01	Xã Trà Thủy	Tờ BĐ số 15, 101, 103 (1/1000)	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	150,0	75,0	75,0				
10	Nối tiếp đường BTXM từ UBND xã đi tổ 2 thôn Gò	0,52	0,52	Xã Trà Bù	Tờ BĐ số 15 (1/5000)	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	120,0	90,0	24,0	6,0			
11	Nối tiếp đường BTXM tổ 1 đi tổ 2, thôn Bàng	0,62	0,62	Xã Trà Hiệp	Tờ BĐ số 05, 08 (1/1000)	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	120,0	111,0	9,0				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
12	BTXM tuyến đường UBND xã Sơn Trà - Thôn Đông (GD4)	0,35	0,35	Xã Sơn Trà	Tờ BĐ số 3 (1/2000) và tờ BĐ số 4 (1/5000)	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	100,0	87,0	8,7	4,4			
13	BTXM tuyến đường tổ 6 đến tổ 5 thôn Trà Xuông	0,35	0,35	Xã Sơn Trà	Tờ BĐ số 6	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 2). Nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	100,0	87,0	8,7	4,4			
14	Đường điện tổ 3, 4 thôn Đam	0,01	0,01	Xã Trà Tây	Tờ BĐ số 01, 02, 11 và 12	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	100,0	50,0	50,0				(QH 2021-2030 tên công trình là Trạm hạ thế điện tổ 3,4 thôn Đam)
15	Đường cầu suối Kem - xóm ông Chân	0,81	0,81	Xã Trà Xanh	Tờ BĐ số 05	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	100,0	87,0	8,7	4,4			
II	Ngoài ngân sách Nhà nước	0	0				0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
TỔNG CỘNG (I+II)		7,25	7,25				2.420,0	1.679,3	690,8	46,9	3,0	0,0	

Biểu 1.5



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
									Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+...+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Trong ngân sách Nhà nước												
1	Khu dân cư Đồng Phời trong	1,90	1,90	Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 31,32 phường Nguyễn Nghiêm	QĐ số 4063/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND thị xã Đức Phổ về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và phân bổ kế hoạch vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư đối với các dự án khởi công mới năm 2024 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	34.000			34.000			
2	Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Đồng Làng; Hạng mục: giải phóng mặt bằng các lô: B5, B6	1,47	1,47	Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 24 phường Nguyễn Nghiêm	QĐ số 847/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quyết định Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	30.000					30.000	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
									Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+...+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
3	Trạm y tế phường Nguyễn Nghiêm	0,04		Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ BĐ số 27,28	QĐ số: 1684/QĐ-DKVN ngày 21/3/2023 của Tập đoàn dầu khí phê duyệt phương án phân bổ chương trình an sinh xã hội 2023 - 2024 của PVN để các đơn vị thành viên hỗ trợ các địa phương,tổ chức trong cả nước; CV số :1039 /UBND-VP ngày 12/4/2023 giao nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện đầu tư xây dựng các công trình nguồn kinh phí hỗ trợ của Công ty Cổ phần lọc -Hóa dầu Bình Sơn (BSR) thuộc chương trình an sinh xã hội	5.000					5.000	
4	Cầu Thạnh Đức	2,34		Phường Phổ Thạnh	Tờ bản đồ số 24, 27 phường Phổ Thạnh	QĐ số 1027/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND thị xã Đức Phổ về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư đối với dự án: Cầu Thạnh Đức	265,000		250.000	15.000			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
									Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+...+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
5	Đầu tư xây dựng mới và trang thiết bị Trung tâm y tế thị xã Đức Phổ	0,03		Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 27	Công văn số 725/BKHĐT-TH ngày 31/10/2022 của Bộ kế hoạch và đầu tư. Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương (đợt 4)	117,800	260					
TỔNG CỘNG		5,78					69.383	260	250.000	49.000		35.000	

Biểu 1.6

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN LÝ SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	 Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
									Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+...+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Trong ngân sách Nhà nước												
1	Mở rộng Bể 1 thuộc dự án: Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm cho nông nghiệp đảo Lý Sơn	0,50	3,90	An Vĩnh, huyện Lý Sơn	Tờ bản đồ 11	QĐ số: 2040 /QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt tổng mức đầu tư; Công văn số 666/UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh Về việc điều chỉnh bổ sung dự án: Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm cho nông nghiệp đảo Lý Sơn; Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn năm 2023, nguồn vốn ngân sách địa phương	4,500		4,500				
II	Ngoài ngân sách Nhà nước												
TỔNG CỘNG (I+II)		0,50					4,50		4,50				

Biểu 1.7



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô dự án (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Kè sạt lở bờ tả sông Phước Giang (đoạn từ đập Suối Lớn đến cầu Long Mai)	10,00	10,00	Xã Long Mai; xã Long Hiệp; xã Thanh An	Tờ BĐ số 51; 56; 57; 58; 62; 63; 65; 66 (tỷ lệ 1/1000) xã Long Mai; Tờ BĐ số 09; 12; 18 (tỷ lệ 1/1000) xã Long Hiệp; Tờ BĐ số 5; 17; 22; 23 (tỷ lệ 1/1000) xã Thanh An.	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05/09/2023 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Kè sạt lở bờ tả sông Phước Giang; Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.	79.990						Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ và ngân sách huyện
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hà Xuyên	0,03	0,08	Xã Long Hiệp	Tờ BĐ số 21 (tỷ lệ 1/1000)	Quyết định 1467/QĐ-UBND ngày 31/08/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long, về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Long. Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND huyện Minh Long về kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Long.	1.208	1.050	105	53			
Tổng cộng		10,03	10,08				81.198,00	1.050,00	105,00	53,00	0,00	0,00	

Biểu 1.8

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN MỘ ĐỨC

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	★ Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10)+(11)+(12)+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I Trong ngân sách Nhà nước													
1	Trường mầm non xã Đức Lân	1,00	1,00	Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 28 và 29	Quyết định số 1415/QĐ-UBND, ngày 22/12/2022 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023	30.000			30.000			
2	Trường mầm non thị trấn Mộ Đức	0,93	0,93	Thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 3, 4, 5	Quyết định số 1415/QĐ-UBND, ngày 22/12/2022 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023	30.000			30.000			
II Ngoài ngân sách Nhà nước													
TỔNG CỘNG (I+II)		1,93	1,93				60.000			60.000			

Biểu 1.9

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+...+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Trong ngân sách Nhà nước												
1	Mở rộng Nghĩa địa nhân dân Gò Ông Thọ	0,35	0,35	Xã Hành Thiện	Thửa đất số 37 tờ bản đồ số 40 (tỷ lệ 1/5000), xã Hành Thiện	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND xã Hành Thiện về việc phân bổ kinh phí để thực hiện các dự án sử dụng đất năm 2024	336					336	
2	Trường mầm non Hành Phước	0,43	0,43	Xã Hành Phước	Thửa đất số 157 tờ bản đồ số 29, xã Hành Phước	Công văn 443/UBND ngày 16/8/2013 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc chủ trương đầu tư xây dựng Trường mầm non Hành Phước. Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND huyện Nghĩa hành về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2014	541,80			541,80			
II	Ngoài ngân sách Nhà nước												
TỔNG CỘNG (I+II)		0,78	0,78				877,80			541,80	336,00		

Biểu 1.10

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN SƠN TỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
									Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10)+(11)+(12)+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Trong ngân sách Nhà nước												
II	Ngoài ngân sách Nhà nước												
1	Khu dân cư lôm Thê Long	7,82	7,82	xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 20, 21, 40, 41		15.640					15.640	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
2	Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp Dung Quất	78,40	81,90	xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	Tờ bản đồ số 1, 6, 7	Thông báo số 226/TB-UBND ngày 10/5/2023 và Công văn số 217/UBND-KTN ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	583.781					583.781	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
3	Cụm công nghiệp Tịnh Phong	74,79	74,79	xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	Tờ bản đồ số 21, 22, 26, 27, 28, 33	Công văn số 4469/UBND-CN XD ngày 18/9/2020 và Thông báo số 292/TB-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	149.580					149.580	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
TỔNG CỘNG (I+II)		161,01					749.001					749.001	

Biểu 1.11



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+...+(13)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Trong ngân sách Nhà nước												
1	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị phía Bắc chợ mới Hàng Rượu, phường Trương Quang Trọng,thành phố Quảng Ngãi	5,48	5,48	Phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 5, 6, 8, 26	Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố							
2	Trung tâm hành chính thành phố	8,70	8,70	Phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh An	Tờ bản đồ số 17 phường Trương Quang Trọng, Tờ bản đồ số 4, 8 xã Tịnh An	Quyết định số 5075/24/2023 của UBND thành phố vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố							
3	Khu Đô thị Dịch vụ Mỹ Khê	14,49	14,49	Xã Tịnh Khê, xã Tịnh Kỳ	Tờ bản đồ số 4, 5 xã Tịnh Khê, Tờ bản đồ số 8 xã Tịnh Kỳ	Quyết định số 5075/24/2023 của UBND thành phố vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố							
4	Khu dân cư phục vụ tái định cư trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi	0,51	0,51	Phường Chánh Lộ	Tờ bản đồ số 13, 16	Quyết định số 5075 ngày 24/10/2023 của UBND thành phố vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố							

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+...+(13)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	Đầu tư nâng cấp các trường Tiểu học trên địa bàn thành phố (phần mở rộng)	0,05	0,05	Xã Tịnh Kỳ	Tờ bản đồ số 14	Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố							
6	Đầu tư Hạ tầng tại khu đất Quy hoạch xây dựng Chợ Thu Lộ	1,09	1,09	Phường Trần Phú	Tờ bản đồ số 32	Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND thành phố vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố							
7	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb	6,45	25,96	Xã Tịnh Khê, xã Tịnh Hòa	Tờ bản đồ số 2, 4,24 xã Tịnh Khê; Tờ bản đồ số 8,34,38, 59 xã Tịnh Hòa	Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách Trung ương							
II Ngoài ngân sách Nhà nước													
8	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Phú Thiện	3,71	3,71	Phường Nghĩa Lộ	Tờ bản đồ số 12	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ngãi kỳ 05 năm và năm đầu kỳ (giai đoạn 2021-2025)							Để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

Biểu 1.12

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN SƠN HÀ

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	 Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
									Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+...+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Trong ngân sách Nhà nước						1.783,60	-	-	1.783,60	-	-	-
1	Sân vận động xã Sơn Ba	1,10	1,10	Xã Sơn Ba		73/QĐ-UBND huyện, ngày 15/8/2022 - giao KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 –2025, nguồn NS TW và địa phương, vốn khác CT NTM và dự án khác. Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 02/12/2023 của UBND huyện Sơn Hà về việc giao kế hoạch vốn năm 2023 thực hiện đầu tư công trình Sân vận động xã Sơn Ba	1.783,60			1.784			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
									Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+...+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
II	Ngoài ngân sách Nhà nước												
1	Thu hồi, chuyển mục đích từ đất nông lượng sang đất giao thông của dự án Thủy điện Trà Khúc 1 (hoàn trả đường ĐH.73 cho địa phương)	2,21	2,21	Xã Sơn Giang	Thửa đất 183 bản đồ TĐ khu đất thuộc mảnh BĐĐCCS 662554, xã Sơn Giang	Bản đồ TĐ khu đất thuộc mảnh BĐĐCCS 662554, xã Sơn Giang							
TỔNG CỘNG (I+II)		3,31					1.783,60			1.783,60			

Biểu 02:

BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Huyện Tư Nghĩa	4	65,750	Biểu 2.1
2	Huyện Ba Tơ	5	137,57	Biểu 2.2
3	Huyện Bình Sơn	4	73,11	Biểu 2.3
4	Huyện Trà Bồng	7	103,10	Biểu 2.4
5	Thị xã Đức Phổ	11	53,36	Biểu 2.5
6	Huyện Lý Sơn	5	7,10	Biểu 2.6
7	Huyện Minh Long	2	15,00	Biểu 2.7
8	Huyện Mộ Đức	8	29,89	Biểu 2.8
9	Huyện Sơn Tây	3	94,66	Biểu 2.9
10	Huyện Sơn Tịnh	9	36,96	Biểu 2.10
11	Thành phố Quảng Ngãi	26	214,64	Biểu 2.11
12	Huyện Sơn Hà	10	294,20	Biểu 2.12
Tổng		94	1125,34	

Biểu 2.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Trong ngân sách Nhà nước											
1	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa	8,02	8,02	xã Nghĩa Hòa, xã Nghĩa Thương, xã Nghĩa Hiệp	1,53		6,65	1,37	5,67	2,35	Dự án đã có quyết định thu hồi đất với 6,65 ha, được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất 5,67 ha. Hiện đang xác nhận nguồn gốc đất để lập phương án bồi thường phần còn lại và tái định cư.	NQ số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018; QĐ số 61/QĐ-UBND ngày 24/01/2019
2	Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa	14,00	14,00	Thị trấn La Hà	9,80		12,27	1,73	12,27	1,73	Dự án đã có Quyết định giao đất (đợt 1) 752/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 với 12,27 ha. Đang giải quyết vướng mắc, khiếu nại về công tác bồi thường, xin tiếp tục để hoàn thành dự án	NQ số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019; QĐ số 163/QĐ-UBND ngày 18/3/2020

[illegible]

Biểu 2.2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2024 HUYỆN BA TƠ

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện năm 2024	Ghi chú
					Đất lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường 30/10 (giai đoạn 2) và đường trục chính ven Hồ Tôn Dung	1,93	1,93	Thị trấn Ba Tơ		0,92	1,90	0,03		1,93	Do vướng mắc trong quá trình đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSĐĐ 2024 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất	Được thông qua tại NQ số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 (KH2020) và được cho phép tiếp tục trong năm 2023
2	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Ba Động (giai đoạn 1+ giai đoạn 2)	2,92	2,92	Xã Ba Động, xã Ba Thành	0,26		2,40	0,52		2,92	Do vướng mắc trong quá trình đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSĐĐ 2024 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất	Được thông qua tại NQ số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 (KH2020) và được cho phép tiếp tục trong năm 2023
3	Trường THPT Phạm Kiệt - Nhà lớp học, Nhà tập đa Năng và các hạng mục phụ trợ	0,12	0,12	xã Ba Vì				0,12		0,12	Do vướng mắc trong quá trình thẩm tra, xác minh nguồn gốc đất, phục vụ cho việc chỉnh lý hồ sơ địa chính, thông báo thu hồi đất, nên chưa GPMB. Đến nay, thực hiện Thông báo số 101-TB/VPTU ngày 12/5/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy về kết luận của đồng chí Bùi Thị Quỳnh Vân Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh tại buổi đối thoại trực tiếp với đại diện cán bộ lãnh đạo, quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; UBND huyện chỉ đạo thực hiện hoàn thành việc xác minh nguồn gốc đất và thống nhất điều chỉnh hồ sơ địa chính đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 21, xã Ba Vì (vị trí Quy hoạch xây dựng công trình) theo Công văn số 1552/UBND ngày 20/7/2023. Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Ba Tơ đã thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính thửa đất theo Thông báo số 1471/TB-CNHBT ngày 21/7/2023.	Được thông qua tại NQ số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 (KH2020) và được cho phép tiếp tục trong năm 2023

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện năm 2024	Ghi chú
					Đất lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
4	Thủy điện Sông Liên 2	50,87	50,87	xã Ba Bích, xã Ba Lễ	4,70		43,63	7,24	15,08	35,79	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSĐĐ 2024 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, thuê đất	Được thông qua tại NQ số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 (KH2019) và được cho phép tiếp tục trong năm 2022, năm 2023
5	Thủy điện Ba Vi	81,73	81,73	xã Ba Tiêu, Ba Ngạc	2,96		19,32	62,41	19,32	62,41	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSĐĐ 2024 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất	Được thông qua tại NQ số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 (KH2019). Được điều chỉnh thông tin về diện tích từ 73,44 ha thành 81,73 ha theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh; và được cho phép tiếp tục trong năm 2022, năm 2023
Tổng cộng		137,57	137,57		7,92	0,92	67,25	70,32	34,40	103,17		

Biểu 2.3

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên Công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	GHI CHÚ
					Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Dự án Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô	Xã Bình Trung; Thị trấn Châu Ô	4,00	4,00	1,70		2,42	1,58	1,61	2,39	Đang tiếp tục triển khai thực hiện công tác bồi thường, GPMB. Hiện nay đang thi công hạng mục khu tái định cư để bố trí khu tái định cư cho hộ dân của tuyến đường.	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã được HĐND tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện trong năm 2023
2	Khu dân cư Kè bắc sông Trà Bồng	Xã Bình Trung; Thị trấn Châu Ô	42,08	42,08	1,88		40,852	1,232	30,28	11,804	Hiện nay diện tích đất đã phê duyệt phương án bồi thường, GPMB là 40,852 ha (Trong đó: Diện tích đã bồi thường, GPMB là 39,996 ha. Diện tích chưa bồi thường, GPMB là 0,856 ha). Diện tích đất chưa có quyết định thu hồi đất, chưa phê duyệt phương án bồi thường, GPMB là 1,232 ha (diện tích này không có diện tích đất ở).	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2017 đã được HĐND tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện trong năm 2023
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường	Xã Bình Hải	26,70	28,50	4,50		21,100	5,600	19,86	6,840	Đang tiếp tục triển khai thực hiện công tác bồi thường, GPMB (giai đoạn 2)	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2021
4	Trung tâm Thể dục Thể thao huyện Bình Sơn (giai đoạn 3)	Thị trấn Châu Ô	0,33	5,11				0,330		0,330	Công trình đang thực hiện tái định cư cho người dân nên xin tiếp tục thực hiện để hoàn thành dự án. Hiện nay đối với khu tái định cư phục vụ việc bồi thường, GPMB của Trung tâm Thể dục Thể thao huyện Bình Sơn (giai đoạn 3) đã được chuyển mục đích và giao đất theo quyết định số 810; 811/QĐ-UBND Ngày 16/8/2023 của UBND tỉnh. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng đang tiếp tục lập phương án bồi thường để có cơ sở giao đất tái định cư cho các hộ dân.	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được HĐND tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện trong năm 2023.
Tổng cộng			73,11	79,69	8,08	0,00	64,37	8,74	51,75	21,36		

Biểu 2.4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 HUYỆN TRÀ BỒNG

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Trong đó:						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
					Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Trong ngân sách nhà nước		3,60	3,60	1,05	0,00	1,92	1,68	0,00	3,60		
1	Tuyến đường vào và hạ tầng cụm công nghiệp thị trấn Trà Xuân	TT. Trà Xuân	1,84	1,84	0,14		1,39	0,45		1,84	Đã được UBND huyện Trà Bồng phê duyệt Phương án bồi thường theo Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 và đã ban hành quyết định thu hồi đất số 4928/QĐ-UBND đến 4949/QĐ-UBND ngày 29/11/2022. Xin tiếp tục thực hiện thu hồi hết phần diện tích còn lại và chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất	KH 2021(NQ số 22/2021/NQ-HĐND ngày 12/10/2021) và KH 2022 (NQ số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022)
2	Khu công viên cây xanh thị trấn Trà Xuân; Hạng mục: Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Trà Xuân	1,00	1,00	0,67		0,54	0,46		1,00	Đã được UBND huyện Trà Bồng phê duyệt Phương án bồi thường theo Quyết định số 4511/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 và đã ban hành quyết định thu hồi đất số 4495/QĐ-UBND đến 4507/QĐ-UBND ngày 09/11/2022. Xin tiếp tục thực hiện thu hồi hết phần diện tích còn lại và chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất	KH 2021(NQ số 22/2021/NQ-HĐND ngày 12/10/2021) và KH 2022 (NQ số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022)
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1	Xã Trà Thủy	0,05	0,05				0,05		0,05	Vướng mắc về xác minh nguồn gốc đất nên chưa thể thực hiện công tác thu hồi đất theo Kế hoạch được duyệt; Nay xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024 để thu hồi đất	KHSĐĐ năm 2020 theo QĐ 199/QĐ-UBND (NQ số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Trong đó:						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
					Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
4	Xây dựng trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng	TT. Trà Xuân	0,26	0,26	0,24			0,26		0,26	UBND huyện đã ban hành thông báo thu hồi đất (TB số 466/TB-UBND đến 476/TB-UBND ngày 16/9/2020); Bộ Tư pháp có Công văn số 1884/BTP-KHTC ngày 15/5/2023 của Bộ Tư pháp về việc thông báo kéo dài thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn NSTW năm 2022 sang 2023; Tuy nhiên do nhầm lẫn trong công tác tổng hợp từ Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công nên dự án chưa được tổng hợp và chưa thực hiện được, do đó xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024 để thu hồi đất	KHSDĐ năm 2020 (QĐ 199/QĐ-UBND ngày 31/3/2020); Tiếp tục thực hiện trong năm 2023 theo QĐ 934/QĐ-UBND (NQ số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023)
5	Xây mới trường Mầm non xã	Trà Phú	0,40	0,40				0,40		0,40	Đã ban hành thông báo thu hồi đất; Tuy nhiên có vướng mắc về GPMB nên chưa thể hoàn thành thủ tục về đất đai theo kế hoạch. Nay xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024 để thu hồi đất	KHSDĐ năm 2020 (QĐ 199/QĐ-UBND ngày 31/3/2020)
6	Xây mới Nhà văn hóa thôn Phú An	Trà Phú	0,05	0,05				0,05		0,05	Đã ban hành thông báo thu hồi đất; Tuy nhiên có vướng mắc về GPMB nên chưa thể hoàn thành thủ tục về đất đai theo kế hoạch. Nay xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024 để thu hồi đất	KHSDĐ năm 2020 (QĐ 199/QĐ-UBND ngày 31/3/2020)
II	Ngoài ngân sách nhà nước		99,50	99,50	0,20	8,64	17,17	82,33	0,00	99,50		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Trong đó:						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
					Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
1	Thủy điện Trà Phong (Bao gồm các hạng mục: Lòng hồ; nhà quản lý vận hành; đường thi công- vận hành, cụm đầu mối; Nhà máy và đường dây đầu nối vào TBA 220 kW Sơn Hà)	xã Sơn Trà, Trà Phong, Trà Xanh và Trà Tây	99,50	99,50	0,20	8,64	17,17	82,33		99,50	Đã phê duyệt PABT đợt 1 (Quyết định số 6451/QĐ-UBND ngày 29/12/2021); đã nộp tiền trồng rừng thay thế theo Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Đã trình hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất đợt 1 với diện tích 17,17 ha. Do trong vùng thực hiện dự án có tài sản công (cầu Sông Tang) nên phải xác định vị trí, diện tích đất hạ tầng giao thông thay thế để hoàn trả lại cho địa phương quản lý, sử dụng nên chưa thể trình chuyển mục đích, cho thuê đất theo kế hoạch.	KHSĐĐ 2019 (QĐ 359/QĐ-UBND ngày 17/5/2019); Bổ sung năm 2021 (QĐ 90/QĐ-UBND); Tiếp tục thực hiện năm 2022 (QĐ 443/QĐ-UBND ngày 13/5/2022); Tiếp tục thực hiện năm 2023 (QĐ 1572/QĐ-UBND ngày 31/12/2022)
Tổng cộng (I+II)			103,10	103,10	1,25	8,64	19,09	84,01	0,00	103,10		

Biểu 2.5



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I Trong ngân sách Nhà nước												
1	Đường QL1A-Mỹ Á - KCN Phở Phong (giai đoạn 1), huyện Đức Phổ	3,49		Thị trấn Đức Phổ	1,50						Tại thời điểm phê duyệt dự án chưa có đất tái định cư, đến nay đang trình xin cấp có thẩm quyền về việc cấp khu đất tái định cư (Do cơ chế bồi thường hỗ trợ tái định cư thay đổi)	Năm 2021
2	Khu dân cư vùng lồm	0,30		Phường Phở Ninh	0,30						Do điều chỉnh, bổ sung lại hồ sơ phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chưa hoàn thiện nên xin tiếp tục thực hiện dự án	Năm 2021
3	KDC xen kẽ phường Phở Văn	1,03		Phường Phở Văn	0,56						Năm 2021 thực hiện vướng các khu dân cư nằm trong quy hoạch nay đã loại các khu dân cư vướng quy hoạch còn lại các khu ngoài quy hoạch đô thị nay xin tiếp tục thực hiện dự án	Năm 2021
4	Các điểm KDC vùng lồm xã Phở Cường	1,29		Xã Phở Cường	0,70						Đang xin chủ trương để đưa vào bán đấu giá	Năm 2021

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
5	Khu dân cư số 2, thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh	0,70		Xã Phổ Khánh	0,56						Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND thị xã Đức Phổ về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư ngân sách thị xã năm 2020 của công trình: Hạ tầng đầu tư các khu dân cư để đầu giá đất và bổ sung cho công trình: Đường Phạm Hữu Nhật, thị trấn Đức Phổ	Năm 2021
6	Điểm sinh hoạt văn hóa thôn Phước Nhơn	0,12		Xã Phổ Nhơn							Do vướng mắc về ranh giới thửa đất, đang lập hồ sơ xin điều chỉnh nên chưa thực hiện được, đề nghị tiếp tục đưa vào kế hoạch để hoàn thiện thủ tục giao đất.	Năm 2021
7	Điểm sinh hoạt văn hóa thôn Nhơn Bích	0,12		Xã Phổ Nhơn							Đang nằm trong vùng quy hoạch thu hồi đất xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc- Nam giai đoạn 2021-2025 và hiện tại vị trí này đang có văn bản điều chỉnh tuyến, nên chưa thực hiện giao đất được	Năm 2021
8	Khu Nghĩa trang nhân dân	3,50		Xã Phổ Phong							Đang lập hồ sơ thu hồi đất và giao đất.	Năm 2021

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
9	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Vạn Trung	0,30		Xã Phổ Phong							Đang hoàn thiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất	Năm 2021
	Tổng (I)	10,85			3,62	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
II Ngoài ngân sách Nhà nước												
1	KDC An Phát Đạt và chỉnh trang đô thị xã Phổ Hòa	3,84	7,79	Xã Phổ Hòa	2,56		3,00	0,84	3,00	0,84	Vướng mắc trong công tác bồi thường	Năm 2018
2	Khu đô thị Bắc Sa Huỳnh	38,67	38,67	Phường Phổ Thạnh	26,28						Thời gian qua Nhà đầu tư đang thực hiện các thủ tục đấu thầu dự án, lập hồ sơ trình Thủ tướng xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, ban hành thông báo thu hồi đất. Nhà đầu tư xin tiếp tục để thực hiện công tác bồi thường, thu hồi và giao đất thực hiện dự án. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa tại Văn bản số 317/TTg-NN ngày 27/4/2023	Năm 2021
	Tổng (II)	42,51			28,84	0,00	3,00	0,84	3,00	0,84		
	Tổng cộng (I)+(II)	53,36			32,46	0,00	3,00	0,84	3,00	0,84		

Biểu 2.6

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 HUYỆN LÝ SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I Trong ngân sách Nhà nước												
1	Trục đường chính Trung tâm huyện Lý Sơn, (Trong năm 2021 có phần diện tích thu hồi bổ sung thêm 0,80ha)	4,00		An Vĩnh, An Hải, huyện Lý Sơn			3,95	0,05		4,00	Đã chi trả bồi thường hỗ trợ người dân, hiện còn vướng 04 hộ bị ảnh hưởng phải thu hồi đất ở và bố trí tái định cư (trong đó có 02 hộ thuộc diện tái định cư), hiện tại chưa bố trí được đất tái định cư và 04 hộ này chưa thống nhất với đơn giá bồi thường nên chưa thể thu hồi để hoàn thiện thủ tục đất đai. hiện nay đang tiếp tục vận động người dân.	Nghị quyết 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019; quyết định phê duyệt KHSDĐ số 243/QĐ-UBND ngày 14/04/2020; Nghị quyết 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020; Quyết định phê duyệt KHSDĐ số 107/QĐ-UBND ngày 02/3/2021
2	Bể chứa nước 3 thuộc hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm cho nông nghiệp đảo Lý Sơn	0,90	3,9	An Hải, huyện Lý Sơn			0,90			0,90	Đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tuy nhiên do đang trong quá trình điều chỉnh thiết kế và mở rộng diện tích (do điều chỉnh cắt giảm không thực hiện bể số 2A) theo thông Báo kết luận số 95/TB-UBND ngày 04/3/2022 của chủ tịch UBND huyện Lý Sơn. Đang trình cấp thẩm quyền xin điều chỉnh mở rộng thiết kế công trình; Theo Thông báo Kết luận số 242/TB-UBND ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 28/4/2020; Quyết định phê duyệt KHSDĐ số 346/QĐ-UBND ngày 27/5/2020

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm cho nông nghiệp đảo Lý Sơn (Hạng mục đường ống cấp nước)	1,00	3,9	An Vĩnh, An Hải, huyện Lý Sơn				1,00		1,00	Đang triển khai thực hiện, tuy nhiên do một số vướng mắc liên quan đến điều chỉnh thiết kế và mở rộng diện tích của một số bể chứa thuộc dự án Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm cho nông nghiệp đảo Lý Sơn theo Công văn số: 666/UBND-TH ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh Về việc điều chỉnh bổ sung dự án; Theo Thông báo Kết luận số 242/TB-UBND ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	Nghị quyết 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020; Quyết định phê duyệt KHSĐĐ số 107/QĐ-UBND ngày 02/3/2021
4	Dự án: Trung tâm Y tế Quân - Dân y kết hợp huyện Lý Sơn	0,70	1,74	An Vĩnh huyện Lý Sơn			0,60	0,10		0,70	Đã hoàn thành công tác thu hồi đất đợt 1 với 0,6ha. Còn lại 07 hộ chưa lập phương án bồi thường do đa số điều chưa thống nhất với đơn giá bồi thường, hỗ trợ và có 04 hộ phải tái định cư nhưng huyện chưa có đất để tái định cư nên chưa thể thu hồi đất, hiện nay đang tiếp tục vận động người dân.	Nghị quyết 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020; Quyết định phê duyệt KHSĐĐ số 107/QĐ-UBND ngày 02/3/2021
5	Dự án: Trường Trung học phổ thông Lý Sơn	0,50	1,66	An Vĩnh huyện Lý Sơn						0,50	Dự án này trước đây là UBND huyện làm chủ đầu tư nay đã chuyển về cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi làm chủ đầu tư theo tinh thần thông báo Kết luận số 104/TB-UBND ngày 02/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đặng Văn Minh tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 01/3/2023; BQL dự án Đầu tư XD các Công trình DD và CN đang trình các thủ tục tiếp theo	Nghị quyết 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020; Quyết định phê duyệt KHSĐĐ số 107/QĐ-UBND ngày 02/3/2021
II Ngoài ngân sách Nhà nước												
TỔNG CỘNG (I+II)		7,10					5,45	1,15		7,10		

Biểu 2.7

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí/ Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
					Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 03 NĂM XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2024											
1	Cầu sông Phước Giang (thôn 2, Long Hiệp đi qua) huyện Minh Long: Hạng mục: Gia cố bờ tả sông Phước Giang	Xã Long Mai	3,00	3,00	0,10		0,4	2,60			Công tác thu hồi đất của dự án chưa hoàn thành	KHSĐĐ năm 2021
II	DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ HẠN HƠN 03 NĂM VÀ ĐƯỢC HĐND TỈNH CHO TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023, NAY XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2024											
2	Thủy điện Long Sơn	Tờ bản đồ số 11, tỉ lệ 1/5000 xã Long Môn	12,00	14,30			11,9	2,40		12,00	Công trình được điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16/9/2022. Đang hoàn thành công tác thu hồi đất	Công trình năm 2020 chuyển tiếp KHSĐĐ năm 2023 nay xin chuyển tiếp sang KHSĐĐ năm 2024.
TỔNG CỘNG			15,00	17,30	0,10	0,00	12,30	5,00	0,00	0,00		

Biểu 2.8

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 HUYỆN MỘC ĐỨC

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I Trong ngân sách Nhà nước												
1	Kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ	22,20	22,20	Xã Đức Nhuận	0,35		19,97	2,23		22,20	Dự án đã thực hiện phê duyệt PABT, thu hồi đất 19,97 ha, vướng mắc về đầu tư và bồi thường. Hiện nay đang thực hiện thanh tra dự án chưa có kết luận, sau khi có kết luận thanh tra tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND, ngày 14/12/2016; Quyết định số 96/QĐ-UBND, ngày 24/01/2017
2	Đường vào vùng lõi Khu sản xuất chế biến thức ăn và chăn nuôi bò sữa tập trung ứng dụng công nghệ cao Vinamilk Quảng Ngãi (UBND huyện làm chủ đầu tư)	1,19	1,19	Xã Đức Phú	0,34		1,14	0,05		1,19	- Trong năm 2023 sẽ trình thu hồi đất đợt 1 với diện tích 1,14 ha. - Còn đang vướng 01 hộ dân chưa thu hồi đất vì chưa thống nhất số lượng lô đất tái định cư. Ủy ban nhân dân huyện đang chỉ đạo thực hiện	Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND, ngày 10/4/2019; Quyết định số 359/QĐ-UBND, ngày 17/05/2019
3	Khu dân cư Tân Phú, xã Đức Lợi	3,60	3,60	Xã Đức Lợi				3,60		3,60	Dự án đã thông báo thu hồi đất, đã hoàn thành công tác kiểm kê. Đang trình hồ sơ Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định bản đồ để làm cơ sở lập, trình và phê duyệt phương án bồi thường	Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND, ngày 28/4/2020; Quyết định số 346/QĐ-UBND, ngày 27/5/2020
4	Nhà văn hoá thôn Chú Tượng	0,14	0,14	Xã Đức Hiệp				0,14		0,14	Dự án đã thông báo thu hồi đất, đang lập phương án bồi thường	Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND, ngày 28/4/2020; Quyết định số 346/QĐ-UBND, ngày 27/5/2020

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	Khu dân cư và khu tái định cư thị trấn Mộ Đức	1,40	1,40	TT Mộ Đức	0,98			1,40		1,40	Đã phê duyệt điều chỉnh Báo cáo KT-KT đầu tư xây dựng. Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình thông báo thu hồi đất.	Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND, ngày 31/12/2020; Quyết định số 91/QĐ-UBND, ngày 26/02/2021
6	Khu dân cư dọc tuyến đường Đông thị trấn Mộ Đức (giai đoạn 1)	0,12	0,12	TT Mộ Đức	0,09			0,12		0,12	Đã thông báo thu hồi đất, đang vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng	Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND, ngày 31/12/2020; Quyết định số 91/QĐ-UBND, ngày 26/02/2021
7	Xây dựng khu thể thao, vận động của xã Đức Chánh	1,22	1,22	Xã Đức Chánh	0,85			1,22		1,22	Đã thông báo thu hồi đất, đang lập phương án bồi thường. Đầu năm 2024 trình tỉnh giao đất	Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND, ngày 31/12/2020; Quyết định số 91/QĐ-UBND, ngày 26/02/2021
8	Mở rộng điểm đen giao thông tuyến ĐT.627B - Quốc lộ 1	0,02	0,02	Xã Đức Nhuận				0,02		0,02	Đã thông báo thu hồi đất, đã lập phương án bồi thường. Đầu năm 2024 trình tỉnh giao đất	Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND, ngày 21/7/2021; Quyết định số 774/QĐ-UBND, ngày 27/8/2021 phê duyệt KHSĐĐ năm 2021 huyện Mộ Đức
II	Ngoài ngân sách											
TỔNG CỘNG (I+II)		29,89	29,89		2,61		21,11	8,78		29,89		

Biểu 2.9

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2024 HUYỆN SƠN TÂY

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
				Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Cầu Sơn Mùa và đường vào 2 đầu cầu	xã Sơn Mùa và xã Sơn Dung	3,0	0,3			3,0		3,0	Công trình đã đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2021 với Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện Sơn Tây về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, đến ngày 19/12/2022 UBND huyện Sơn Tây ban hành quyết định số 3019/QĐ-UBND về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn phân cấp ngân sách huyện; dự kiến công trình sẽ thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất vào năm 2024	Công trình nằm trong Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021
2	Thủy điện Đăk Ba	xã Sơn Bua, Sơn Mùa, Sơn Dung, Sơn Tân	50,53	1,00		49,71	0,82	34,14	16,39	Công trình đã thực hiện xong công tác thu hồi đất, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã cho công ty cổ phần Bách Thiên Lộc thuê đất với hạng mục: Nhà máy thủy điện tại xã Sơn Mùa với diện tích 3,55 ha và hạng mục: Tuyến đầu mối, đường thi công vận hành; đường thi công TC1-Đập tiếp nước; Lòng hồ, Kênh xả nhà máy tại xã Sơn Mùa, Sơn Bua với diện tích 30,59 ha. Riêng hạng mục: Đầu nối nhà máy thủy điện ĐăkBa vào lưới điện quốc gia đường dây 110kV, với diện tích 0,82 ha đã thực hiện bồi thường phóng mặt bằng và đang thực hiện thủ tục thu hồi đất.	Công trình thuộc KHSDĐ 2018 bổ sung theo Công văn số 6849/UBND-NNTN ngày 08/11/2018 và được cho phép tiếp tục trong năm 2021,2022,2023

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
				Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Dự án Thủy điện Đắk Đrinh 2	Xã Sơn Tân	41,13		0,1	36,03	5,1		41,13	Công trình đã đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019. Hiện nay chủ đầu tư đang khẩn trương tiếp tục thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất	Công trình nằm trong Nghị quyết 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 và được cho phép tiếp tục trong năm 2022, 2023
	Tổng cộng		94,66	1,30	0,10	85,74	8,92	34,14	60,52		

Biểu 2.10

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 HUYỆN SƠN TỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I Trong ngân sách Nhà nước												
1	Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong	20,75	27,50	Xã Tịnh Phong và xã Tịnh Thọ huyện Sơn Tịnh	2,56		6,50	14,25	3,65	17,10	Tổng dự án đăng ký kế hoạch là 20,75 ha. Tuy nhiên hiện nay dự án này chỉ thực hiện tới Đường Tỉnh 622C. Nên diện tích của Dự án chỉ còn 11.60 ha. Chưa bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 137 hộ có đất bị ảnh hưởng với diện tích 5,10 ha được vì đang xây dựng các khu tái định cư	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 26/12/2018; QĐ số 64/QĐ-UBND ngày 24/01/2019
2	Điểm dân cư Gò Vực	0,55	0,55	Xã Tịnh Hà			0,55			0,55	Đã thu hồi xong. Hiện nay thay đổi chủ đầu tư từ xã Tịnh Hà chuyển sang BQL dự án đầu tư và phát triển quỹ đất. Nên xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024 để làm thủ tục giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 26/12/2018; QĐ số 64/QĐ-UBND ngày 24/01/2019
3	Tuyến N9 Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh (đợt 2)	1,40	1,40	Xã Tịnh Hà			0,85	0,55		1,40	Diện tích 0,55 ha chưa thu hồi được, còn lại vướng nhà ở của 36 hộ dân, trong đó có 45 thửa đất ở, cần phải bố trí tái định cư 6 lô đất.	NQ số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019; QĐ số 188/QĐ-UBND ngày 27/3/2020
4	KDC Đồng Miếu (giai đoạn 1), đợt 2	2,00	5,00	Xã Tịnh Hà			0,13	1,87		2,00	Diện tích 1,87 ha chưa thu hồi được, vì vướng đất ở của 56 hộ dân và cần phải bố trí tái định cư tại chỗ.	NQ số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019; QĐ số 188/QĐ-UBND ngày 27/3/2020

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
5	KDC Đồng Trước	7,77	7,77	Xã Tịnh Hà	1,03		5,00	2,77		7,77	Diện tích 2,77 ha chưa thu hồi được, vì vướng 69 hộ dân (trong đó có 17 thửa đất ở; Nhiều thửa đất nông nghiệp cấp sai vị trí so với giấy chứng nhận QSD đất; đất Nhà nước giao nhưng chưa cấp giấy CN QSD đất; cần phải bố trí TĐC tại chỗ khoảng 25 thửa đất TĐC).	NQ số 28/2019//NQ-HDDND ngày 27/12/2019; QĐ số 188/QĐ-UBND ngày 27/3/2020
6	Điểm dân cư số 5, thôn Bình Đông, xã Tịnh Bình	0,60	0,60	Xã Tịnh Bình	0,57		0,28	0,32		0,60	Đang trình thẩm định Phương án bồi thường GPMB, thủ tục thu hồi đất (đợt 1); Còn vướng bồi thường 07 hộ, diện tích khoảng 0,32 ha.	NQ số 28/2019//NQ-HDDND ngày 27/12/2019; QĐ số 188/QĐ-UBND ngày 27/3/2020
7	Khu dân cư Thố Lợi	1,00	1,00	Xã Tịnh Phong			0,83	0,17		1,00	Diện tích 0,17 ha chưa thu hồi được vì vướng đất ở của 1 hộ dân. Hiện nay, UBND huyện đang chỉ đạo các ngành chức năng rà soát hồ sơ, thủ tục để quyết định thu hồi đất.	NQ số 28/2019//NQ-HDDND ngày 27/12/2019; QĐ số 188/QĐ-UBND ngày 27/3/2020
8	Mở rộng khu thể thao xã Tịnh Giang	0,80	0,80	Xã Tịnh Giang	0,05		0,56	0,24		0,80	Diện tích 0.24 ha chưa thu hồi được, còn vướng 03 thửa đất của 3 hộ dân, hiện nay đang làm thủ tục giao đất cho 03 hộ dân để hoàn thiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.	NQ số 28/2019//NQ-HDDND ngày 27/12/2019; QĐ số 188/QĐ-UBND ngày 27/3/2020
9	KDC chợ Than Tịnh Hiệp	2,09	4,60	Xã Tịnh Hiệp	1,97		0,54	1,55		2,09	Dự án bị chậm tiến độ là do đất ở của các hộ dân bị xen lẫn giữa đất ở liền kề (LK2) thuộc dự án KDC Chợ Than. Việc thẩm định bản đồ địa chính khu đất không được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp nhận. Trên cơ sở ý kiến của Sở Tài nguyên, UBND xã đã điều chỉnh quy hoạch và điều chỉnh bản đồ địa chính khu đất, đến nay sở Tài nguyên đã thống nhất thẩm định bản đồ địa chính khu đất và thực hiện xong thủ tục thu hồi đất. Nay xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024 để thực hiện các bước tiếp theo	NQ số 29/2020//NQ-HDDND ngày 31/12/2020; QĐ số 88/QĐ-UBND ngày 25/02/2021
II Ngoài ngân sách Nhà nước												
TỔNG CỘNG (I+II)		36,96	49,22	0,00	6,18	0,00	15,24	21,72	3,65	33,31		

Biểu 2.11



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)	Đã giao (ha)	Chưa giao (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Công trình, dự án thuộc vốn ngân sách Nhà nước											
1	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	1,40	38,6	Xã Tịnh An				1,40		1,40	Vướng mắc 53 hộ/1,4 ha. Sở TNMT chưa tham mưu giá đất tái định cư tại Khu tái định cư Liên Hiệp 1 để bố trí cho các hộ dân thuộc Dự án Đập dâng hạ lưu Sông Trà Khúc. Vướng mắc trong quá trình tách thửa của các hộ dân tại Thông báo kết luận số 87/TB-KL ngày 20/9/2023 đối với Phần diện tích đất ở thuộc thôn An Phú, xã Tịnh An.	Công trình năm 2019
2	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1	8,83	8,83	Xã Nghĩa Hà, xã Nghĩa Phú, xã Tịnh Hòa	3,87		6,1	2,73	4,74	4,09	Vướng mắc 145 hộ/2,73 ha. Vướng mắc đang thực hiện công tác thu hồi đất, GPMB để xây dựng các khu tái định cư, gồm: khu TĐC Cổ Lũy Bắc, xã Nghĩa Phú và khu TĐC xã Nghĩa Hà (phục vụ bố trí TĐC tuyến chính của dự án) mới được HĐND tỉnh thống nhất cho phép chuyển mục đích mục đích sử dụng đất lúa ngày 16/10/2023.	Công trình năm 2019

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)	Đã giao (ha)	Chưa giao (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Khu Đô thị mới phục vụ tái định cư khu II Đê Bao	10,82	10,82	Phường Lê Hồng Phong			7,3	3,52	1,58	9,24	Trên cơ sở Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh; ngày 31/12/2022 UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Quảng Ngãi tại Quyết định số 1571/QĐ-UBND; tại Phụ biểu 2, STT 09, dự án nay đã được đưa vào với diện tích là 10,82ha để làm thủ tục về đất; hiện nay còn 17 hộ đang lập các thủ tục: Giá đất bồi thường, TĐC nên chưa hoàn thành theo KHSD đất tại QĐ số 1571/QĐ-UBND ngày 31/12/2023, nay đăng ký xin tiếp tục thực hiện năm 2024.	Công trình năm 2016
4	Mở rộng trường Tiểu học Nghĩa Chánh (cơ sở 1)	0,63	0,63	Phường Nghĩa Chánh			0,12	0,51		0,63	Vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB đối với một số hộ dân trong vùng dự án. Đang thực hiện các thủ tục theo quy định để GPMB hoàn thành dự án, diện tích còn lại chưa thu hồi, gồm 06 hộ	Công trình năm 2016
5	Khu dân cư Tịnh Kỳ (giai đoạn 2)	3,00	3,00	Xã Tịnh Kỳ			0,26	2,74	1,09	1,91	Các hộ dân đi làm ăn xa (đi biển), không phối hợp thực hiện công tác khảo sát kiểm kê, diện tích bị thu hồi ít nhưng đề nghị thu hồi hết phần diện tích nằm ngoài quy hoạch	Công trình năm 2017

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)	Đã giao (ha)	Chưa giao (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
6	KDC phía Tây bệnh viện Đa khoa Quảng Ngãi	2,94	2,94	Phường Nghĩa Lộ			2,27	0,67		2,94	Xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024 để chuyển mục đích và giao đất (đã hoàn thành công tác thu hồi đất)	Công trình năm 2015
7	Khu dân cư đường Trần Khánh Dư phục vụ TĐC dự án Khu đô thị bờ Nam sông Trà Khúc	2,56	2,56	Phường Nghĩa Chánh			2,56			2,56	Xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024 để chuyển mục đích và giao đất (đã hoàn thành công tác thu hồi đất)	Công trình năm 2015
8	Trường THCS Chánh Lộ (phần mở rộng)	0,3	0,3	Phường Chánh Lộ	0,3			0,3		0,3	Dự án được phê duyệt KHSD đất lần đầu tại Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 với diện tích 0,28ha và Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 với diện tích 0,02ha. Dự án có 12 thửa, 7 hộ, 1 tổ chức, hiện đang thực hiện các thủ tục để thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, nay xin tiếp tục thực hiện năm 2024.	Công trình năm 2020
9	Xây dựng mới Nhà làm việc UBND xã Tịnh Kỳ	0,53	0,53	Xã Tịnh Kỳ			0,47	0,06		0,53	Đang chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt giá đất cụ thể để phê duyệt phương án bố trí tái định cư	Công trình năm 2020

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)	Đã giao (ha)	Chưa giao (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
10	Đường Nguyễn Tự Tân (đoạn từ Trương Định đến Trần Thái Tông)	0,356	0,356	Phường Trần Phú			0,347	0,009		0,356	Theo Nghị Quyết số 35/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của HĐND tỉnh và Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 15/3/2016 của UBND tỉnh, đã phê duyệt cho Dự án này là 0.49ha. Theo ranh giới thực hiện Dự án đã được đo đạc chuẩn xác thì diện tích chiếm đất là 0.356ha. Quá trình thực hiện dự án còn vướng mắc trường hợp hộ ông Lê Bá Mẫn và hộ bà Nguyễn Thị Xanh nên chưa hoàn thành theo KHSD đất tại QĐ số 915/QĐ-UBND ngày 08/9/2023, nay đăng ký xin tiếp tục thực hiện năm 2024.	Công trình năm 2016
11	Đường Lê Thánh Tôn nối dài	0,79	0,79	Phường Nghĩa Chánh và xã Nghĩa Đồng	0,2		0,690	0,100		0,79	Trên cơ sở Nghị quyết số 20/2023/NQ- HĐND ngày 03/8/2023 của HĐND tỉnh; ngày 08/9/2023 UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyet bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Quảng Ngãi tại Quyết định số 915/QĐ- UBND; tại Phụ biểu 3, STT 3, dự án đường Lê Thánh Tôn nối dài đã được đưa vào với diện tích quy hoạch là 0,79ha, trong đó diện tích đất LUC và 0,2ha; DT đã thu hồi 0,69ha, DT chưa thu hồi 0,1ha của 02 hộ đang lập các thủ tục: Giá đất bồi thường, TĐC nên chưa hoàn thành theo KHSD đất tại QĐ số 915/QĐ-UBND ngày 08/9/2023, nay đăng ký xin tiếp tục thực hiện năm 2024	Công trình năm 2015

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)	Đã giao (ha)	Chưa giao (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
12	Trường giáo dục trẻ khuyết tật tỉnh: Bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng nhà hiệu bộ, tường rào.	0,12	0,12	Phường Nghĩa Lộ				0,12		0,12	Đề tiếp tục thực hiện công tác bồi thường GPMB, hoàn thiện dự án.	Công trình năm 2017
13	Khu tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ cho dự án Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ	7,50	7,50	Xã Tịnh Kỳ			7,44	0,06	7,19	0,31	Phần diện tích còn lại vướng mắc bồi thường, một số hộ dân đi làm ăn xa (đi biển) và không phối hợp thực hiện khảo sát, nhiều hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ít nhưng đề nghị nhà nước thu hồi luôn phần diện tích đất bên ngoài (diện tích lớn)	Công trình năm 2017
14	Khu dân cư Yên Phú	6,28	6,28	Phường Nghĩa Lộ			6,24	0,04	4,96	1,32	UBND tỉnh đã giao đất để thực hiện dự án là 4,96 ha. Một số hộ không phối hợp thực hiện công tác khảo sát kiểm kê, hộ gia đình chưa chịu nhận tiền bồi thường còn khiếu kiện, tranh chấp	Công trình năm 2017
15	Khu dân cư Bắc Huỳnh Thúc Kháng	10,43	10,43	Phường Nghĩa Lộ			9,87	0,56	7,70	2,73	Diện tích còn lại gồm các loại đất ODT, BHK, LUC hiện còn nhiều vướng mắc, hộ gia đình cá nhân tranh chấp, hộ gia đình không thực hiện công tác khảo sát kiểm kê nên phải thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc. Chủ đầu tư đang tiếp tục thực hiện công tác bồi thường.	Công trình năm 2017

[illegible]

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)	Đã giao (ha)	Chưa giao (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
21	Khu dân cư phía Đông đường Trần Khánh Dư	7,39	7,39	Xã Nghĩa Đồng	4,78			7,39		7,39	Đã trúng thầu đang trình phê duyệt 1/500	Công trình năm 2021
22	Mở rộng cơ nhi viện Phú Hòa	0,27	0,27	Xã Tịnh Ấn Tây	0,27		0,25	0,02		0,27	Đang thực hiện công tác bồi thường phần diện tích còn lại	Công trình năm 2020
23	Nhà máy nước Quảng Ngãi	1,58	1,58	Phường Quảng Phú	0,03		1,18	0,4		1,58	Đang thực hiện công tác bồi thường, GPMB phần diện tích còn lại	Công trình năm 2017
24	Khu dân cư Đông Sơn Mỹ	5,43	5,43	Xã Tịnh Khê	3,86		4,0	1,43		5,43	Hiện nay đang lập phương án bồi thường cho phần diện tích còn lại là 1,54 ha (trong đó: còn 1,43 ha chưa thu hồi tương ứng của 21 hộ dân và có 0,20 ha đất ở chính trang không thu hồi). Nay xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024 để có cơ sở thực hiện công tác thu hồi đất, làm thủ tục chuyển mục đích và giao đất	Công trình năm 2020
25	Khu đô thị mới Phú Mỹ, thành phố Quảng Ngãi	106,32	106,32	Xã Nghĩa Đồng và phường Nghĩa Chánh			103,64	2,68	103,61	2,71	Để làm thủ tục thu hồi, chuyển mục đích và giao đất thực hiện dự án.	Công trình năm 2017

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)	Đã giao (ha)	Chưa giao (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
26	Văn phòng làm việc Ban Đại diện Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tỉnh Quảng Ngãi	0,15	0,15	Xã Nghĩa Dong	0,15		0,15			0,15	Xin tiếp tục thực hiện để chuyển mục đích và giao đất	Công trình năm 2019
TỔNG CỘNG		214,64	265,84		12,34		174,01	40,63	140,70	68,51		

Biểu 2.12

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 HUYỆN SON HÀ

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Trong ngân sách Nhà nước											
1	Cụm công nghiệp Sơn Hà, huyện Sơn Hà; Hạng mục: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung	0,70		Sơn Hà			0,40	0,30		0,70	QĐ thu hồi đất: 1707/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 (0,4 ha) Chưa giao đất ĐC diện tích (theo ĐCQH chi tiết)	KH 2021 tại QĐ 279 ngày 26/4/2021
2	Kè từ Cầu Sông Rin đến trường phổ thông DTNT THCS Sơn Hà	3,00		TT. Di Lăng	0,04		1,97	1,03		3,00	Quyết định số: 86-87/QĐ-UBND ngày 30/8/2022; QĐ số 331-332/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND huyện Sơn Hà. Đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị chuyển mục đích và giao đất	KH 2021 tại QĐ 279 ngày 26/4/2021
3	Đường cầu Tà Man I - Ngã ba đi Trà Trung	1,20		TT. Di Lăng	0,40		1,05	0,15		1,20	Thu hồi đất: Quyết định số: 172-190/QĐ-UBND huyện, ngày 30/10/2018 Thu hồi đất: Quyết định số: 463 đến số 469 ngày 17/9/2019 Thu hồi đất: Quyết định số: 603 và 604 ngày 24/12/2020	KH 2018 tại QĐ 732 ngày 24/8/2018; xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022 tại QĐ số 1391/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và QĐ số 1576/QĐ-UBND ngày 31/12/2022
4	Kè chống sạt lở Tà Man nối tiếp Km0+67 đến Km0	0,20		TT. Di Lăng	0,03		0,09	0,11		0,20	QĐ 428/QĐ-UBND ngày 06/6/2021 phê duyệt giá để bồi thường Mở rộng chân kè ta luy 0,00215 ha QĐ 519/QĐ-UBND tỉnh ngày 27/5/2022 phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường Điều chỉnh CME đất lúa thêm 0,02067 thành 0,03067 Quyết định thu hồi đất số: 342-344/QĐ-UBND huyện, ngày 22/12/2022	KH 2020 tại QĐ 149 ngày 13/3/2020; xin điều chỉnh thông tin năm 2022 tại QĐ số 1253/QĐ-UBND ngày 11/11/2023

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	Khu dân cư Cà Tu, hạng mục: xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC8,DC10,DC11,DC18 (giai đoạn 2); Khu dân cư Cà Tu, hạng mục: xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC3,DC4 (giai đoạn 1, giai đoạn 2); khu dân cư Cà Tu, hạng mục: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC5,A4	6,96		TT. Di Lãng	3,27		2,20	4,76	0,63	6,33	Đã thu hồi giai đoạn 1 là 2,2ha, Khu DC3,4 (giai đoạn 1): Quyết định số 744-747/QĐ-UBND huyện, ngày 04/11/2021/19 QĐ 128/QĐ-UBND tỉnh ngày 08/2/2022 giao đất vị trí DC8, DC10, DC11 DC18 (0,626 ha) QĐ 127/QĐ-UBND tỉnh ngày 08/2/2022 CMD vị trí DC8, DC10, DC11 DC18 (0,626 ha= LUC 0,4476, BHK 0,1784 ha) QĐ 855/QĐ-UBND tỉnh ngày 03/8/2022 phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường vị trí DC3, DC4	KH 2021 tại QĐ 110 ngày 02/3/2021: tiếp tục thực hiện tại QĐ 1391 ngày 31/12/2021 và QĐ 1576 ngày 31/12/2022
6	Trụ sở trung tâm truyền thông- văn hoá- thể thao	0,10		TT. Di Lãng				0,10		0,10	Thẩm quyền UBND tỉnh XD trên đất UB quản lý Chưa QĐ GD	KH 2021 tại QĐ 110 ngày 02/3/2021
7	Công trình tiểu dự án: cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia	0,98		Các xã	0,03		0,22	0,76		0,98	Phát sinh các trụ điện có liên quan đến diện tích đất lúa mà trước đây thiết kế chưa cập nhật. Đã thu hồi 0,22 ha	KH 2020 tại QĐ 149 ngày 13/3/2020
II Ngoài ngân sách Nhà nước												
1	Thủy điện Thạch Nham	1,80		Xã Sơn Nham			0,80	1,00	0,80	1,00	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 04/6/2018, diện tích cho thuê đất đợt 1: 8.037m2 Đang lập thủ tục xử lý tài sản công làm cơ sở trình UBND tỉnh ban hành TB thu hồi đất theo ý kiến chỉ đạo tại CV 4547/UBND-KTN tỉnh QN ngày 15/9/2023	KH 2022 tại QĐ 892 ngày 12/8/2022; xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022 tại NQ số 18/NQ-HĐND ngày 7/7/2022.

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi đất (ha)	Chưa thu hồi đất (ha)	Đã giao đất (ha)	Chưa giao đất (ha)	Lý do xin tiếp tục thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	Thủy điện Trà Khúc 2	254,62		Xã Sơn Giang xã Sơn Thành xã Sơn Linh xã Sơn Nham	9,50		27,74	226,88		254,62	KH 2022 tại QĐ 892 ngày 12/8/2022; xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022 tại NQ số 18/NQ-HĐND ngày 7/7/2022: * Xin điều chỉnh tăng diện tích từ 253,6 ha thành 254,62 ha (bổ sung thu hồi diện tích trụ điện: 1,02 ha) DT thu hồi 27,74 ha của Sơn Nham (16,35 ha QĐ 348-365) và xã Sơn Thành (11,39 ha QĐ 386-404)	KH 2022 tại QĐ 892 ngày 12/8/2022; xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022 tại NQ số 18/NQ-HĐND ngày 7/7/2022.
3	Thủy điện Sơn Nham	24,64		Xã Sơn Nham; xã Sơn Linh		4,42	2,23	22,42		24,64	Điều chỉnh địa điểm thực hiện trên địa bàn các xã: Sơn Nham, Sơn Linh, Sơn Cao, Sơn Hải, Sơn Trung, Sơn Thượng, TT. Di Lăng QĐ số 194/QĐ-UBND huyện đến 203/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 v/v thu hồi đất 2,23 ha của khu vực nhà máy (xã Sơn Nham) TB thu hồi đất số 202/TB/UBND ngày 18/7/2023, số 205-208/TB-UBND ngày 20/7/2023, diện tích 3,62 ha của đường ống, tháp điều áp và giếng đứng Đang đề nghị ban hành TB thu hồi đất của UB Sơn Linh tại Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 07/3/2023, diện tích 3,38 ha của lòng hồ TĐ Sơn Nham	KH 2019 tại QĐ 65 ngày 24/01/2019; xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022 tại QĐ số 1391/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
TỔNG CỘNG (I+II)		294,20			13,28	4,42	36,70	257,50	1,43	292,77		

Biểu 03:

BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG NĂM 2024 CẤP HUYỆN
(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

TT	Tên huyện, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Huyện Tư Nghĩa	3	5,55	Biểu 3.1
2	Huyện Bình Sơn	5	6,42	Biểu 3.2
3	Huyện Minh Long	1	0,01	Biểu 3.3
4	Huyện Mộ Đức	3	44,05	Biểu 3.4
5	Thành phố Quảng Ngãi	1	229,00	Biểu 3.5
Tổng		13	285,03	

Biểu 3.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG NĂM 2024 HUYỆN TUYÊN NGHĨA
(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Lý do xin điều chỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)
1	Tuyến đường dây 22KV đầu nối (thuộc dự án Thủy điện Thạch Nham)	Xã Nghĩa Lâm	0,05	0,05	Tờ bản đồ địa chính số 15, 21	Điều chỉnh tên dự án từ "Cải tạo đường dây 22 KV đầu nối nhà máy thủy điện Thạch Nham thuộc dự án thủy điện Thạch Nham" thành "Tuyến đường dây 22KV đầu nối (thuộc dự án Thủy điện Thạch Nham)" Điều chỉnh cho phù hợp với Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh	Đã được UBND tỉnh phê duyet trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại QĐ 461 ngày 17/05/2022

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Lý do xin điều chỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)
2	Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương (giai đoạn 2)	Xã Nghĩa Hòa, Nghĩa Thương	2,00	2,00	xã Nghĩa Hòa(7,8,12) Nghĩa Thương(11)	Điều chỉnh diện tích thực hiện dự án: "1,88". Điều chỉnh diện tích thực hiện dự án theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và bản đồ thẩm định	Đã được UBND tỉnh phê duyet trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 tại QĐ 163 ngày 18/3/2020
3	Đường cụm công nghiệp La Hà - Đường huyện ĐH.28	TT La Hà, Nghĩa Thương	3,50	3,50	Tờ 14, TT La Hà; Tờ 4 và 8, xã Nghĩa Thương	Điều chỉnh diện tích thực hiện dự án: "1,98" Điều chỉnh diện tích thực hiện dự án theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và bản đồ thẩm định	Đã được UBND tỉnh phê duyet trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 tại QĐ 81 ngày 23/02/2021
TỔNG CỘNG			5,55				

Biểu 3.2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG NĂM 2024 HUYỆN BÌNH SƠN
(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên Công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Tờ bản đồ địa chính	Lý do xin điều chỉnh	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hạng mục khu tái định cư dự án đường từ ĐT621 đi Lê Ngung	Thị trấn Châu Ổ	0,12	Tờ bản đồ số 38	Công trình đã được thông qua tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 7/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và phê duyệt tại Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, với tên dự án: Khu tái định cư của đường từ ĐT.621 đi Lê Ngung với diện tích 0,09 ha, nay xin điều chỉnh thành: Hạng mục khu tái định cư dự án đường từ ĐT621 đi Lê Ngung và diện tích 0,12 ha.	
2	Cải tạo mở rộng vỉa hè, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện ĐH.01	Xã Bình Trung, Thị trấn Châu Ổ	1,49	Tờ bản đồ số 17, 18 xã Bình Trung và tờ bản đồ số 42 thị trấn Châu Ổ.	- Công trình đã được thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 7/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và phê duyệt tại 1562/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Bình Sơn địa điểm là xã Bình Trung và tờ bản đồ số 17, 18. Nay xin điều chỉnh lại địa điểm là Xã Bình Trung, Thị trấn Châu Ổ và Tờ bản đồ địa chính là tờ bản đồ số 17, 18 xã Bình Trung và tờ bản đồ số 42 thị trấn Châu Ổ.	
3	Cải tạo mở rộng vỉa hè, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện ĐH.02	Xã Bình Trung, Thị trấn Châu Ổ	2,30	Tờ bản đồ số 7, 8, 10, 11 xã Bình Trung và tờ bản đồ số 43,44 Thị trấn Châu Ổ	- Địa điểm trong Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Bình Sơn địa điểm là xã Bình Trung nay điều chỉnh lại địa điểm là Xã Bình Trung và Thị trấn Châu Ổ. -Tờ bản đồ địa chính trong Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Bình Sơn là Tờ bản đồ số 7, 8, 10, 11 xã Bình Trung nay điều chỉnh lại Tờ bản đồ số 7, 8, 10, 11 xã Bình Trung và tờ bản đồ số 43,44 Thị trấn Châu Ổ.	

STT	Tên Công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Tờ bản đồ địa chính	Lý do xin điều chỉnh	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	Cải tạo mở rộng vỉa hè, nâng cấp mặt đường, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện ĐH.03	Xã Bình Dương, Thị trấn Châu Ổ	1,10	Tờ bản đồ số 16 xã Bình Dương và tờ bản đồ số 45 Thị trấn Châu Ổ.	- Công trình đã được thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 7/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và phê duyệt tại 1562/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Bình Sơn tờ bản đồ là 45; 46 nay xin điều chỉnh thành Tờ bản đồ địa chính là Tờ bản đồ số 16 xã Bình Dương và tờ bản đồ số 45 Thị trấn Châu Ổ.	
5	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Lỗ Tây	Xã Bình Thanh	1,41	Tờ bản đồ số 34, 35, 39, 40	Công trình đã được thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và phê duyệt tại Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, với diện tích 0,5 ha, nay xin điều chỉnh diện tích thành 1,41 ha và bổ sung thêm tờ bản đồ số 35	
	Tổng		6,42			



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG NĂM 2024 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên Công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Điều chỉnh từ bản đồ	Lý do xin điều chỉnh	GHI CHÚ
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Xây dựng trụ điện 22kv (Dự án: Điểm định canh, định cư tập trung Đồng Tranh, xã Long Mai (ĐA Ngã Lãng, huyện Minh Long)	0,01	0,01		Xã Long Mai	Tờ bản đồ số 16;28	Công trình đăng ký KHSDĐ năm 2022: Xây dựng trụ điện 22kv (Dự án: Điểm định canh, định cư tập trung Đồng Tranh, xã Long Mai (ĐA Ngã Lãng, huyện Minh Long) đăng ký diện tích đất lúa 0,01 ha thuộc tờ bản đồ 16; 52 điều chỉnh lại tờ bản đồ 16; 28.	Công trình đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 và điều chỉnh thông tin trong năm 2022 tại Quyết định 464/QĐ-UBND ngày 17/5/2022.
	Tổng cộng	0,01	0,01	0,00				

Biểu 3.4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG NĂM 2024 HUYỆN M'ĐRẮC

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Lý do xin điều chỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khu nghĩa địa Bắc Núi Thị xã Đức Hoà, xã Đức Tân để phục vụ GPMB dự án đường cao tốc Quảng Ngãi - Quy Nhơn	Xã Đức Hoà; xã Đức Tân	0,50	0,50	Tờ bản đồ số 19 xã Đức Hoà; tờ bản đồ số 10 xã Đức Tân	Trong quá trình tổng hợp có sự sai sót vị trí địa giới hành chính qua xã Đức Tân. Nay xin điều chỉnh lại tên công trình: Khu nghĩa địa Bắc Núi Thị xã Đức Hoà, xã Đức Tân để phục vụ GPMB dự án đường cao tốc Quảng Ngãi - Quy Nhơn, qua địa bàn: xã Đức Hòa và xã Đức Tân và bổ sung tờ bản đồ số 10 xã Đức Tân	Nghị quyết số 20/2022/NQ- HĐND ngày 06/9/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh
2	Cụm công nghiệp thị trấn M'Đrăk	Thị trấn M'Đrăk và xã Đức Tân	30,46	30,46	Tờ bản đồ số 11, 12, 16, 19 thị trấn M'Đrăk; tờ bản đồ số 11 xã Đức Tân	Dự án đã phê duyệt tại Quyết định 1390/QĐ-UBND ngày 31/12/2021. Hiện nay dự án không còn phù hợp về chủ đầu tư, nguồn vốn, tên công trình, địa điểm đầu tư. Xin điều chỉnh tên dự án công trình là: Cụm công nghiệp thị trấn M'Đrăk; diện tích giảm từ 35,0 ha xuống 30,46 ha; thay đổi chủ đầu tư và nguồn vốn đầu tư (Dự án thuộc lựa chọn nhà đầu tư)	Nghị quyết số 36/2021/NQ- HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh
3	Khu dân cư Tây cầu Bò Đề, huyện M'Đrăk	Xã Đức Nhuận	13,09	13,09	Tờ bản đồ số 23, 24, 25	Trong quá trình tổng hợp có sự sai sót tên công trình. Xin điều chỉnh tên công trình: Khu dân cư Tây cầu Bầu Đề, huyện M'Đrăk, thành: Khu dân cư Tây cầu Bồ Đề, huyện M'Đrăk	Nghị quyết số 20/2023/NQ- HĐND ngày 03/8/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh
TỔNG CỘNG			44,05	44,05			

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG NĂM 2024 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Quy mô đầu tư (ha)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Lý do xin điều chỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)
1	Công viên Quảng Trường biển, kết hợp khu đô thị - dịch vụ sinh thái thành phố Quảng Ngãi	xã Tịnh Khê	229,00	229,00	Tờ bản đồ số 13, 16, 17, 19, 20, 22, 23, 35, 39, 42, 45, 46, 47, 48, 49, 50	Điều chỉnh thông tin tên dự án	Dự án đã được HĐND tỉnh thông qua Danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2022 thành phố Quảng Ngãi tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 (Số thứ tự 31, Biểu 1,7); Dự án đã được đăng ký trong KHSDĐ năm 2022 của thành phố Quảng Ngãi tại Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (Số thứ tự 31, Phụ biểu 01); Trong quá trình thực hiện triển khai lập Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, UBND tỉnh thống nhất đổi tên đồ án theo Thông báo số 37/TB-UBND ngày 03/2/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Công viên Quảng Trường biển, kết hợp khu đô thị - dịch vụ sinh thái thành phố Quảng Ngãi đã được UBND thành phố Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 18/8/2023
TỔNG CỘNG			229,00				